

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 632 /2024/DS-PT

Ngày 13 - 12 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, nợ hui, đòi lại tài sản”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/11/2024 và ngày 13/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2024/TLPT-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hui, đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 587/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn T là bị đơn và bà Nguyễn Thúy H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quyết định kháng nghị số 144/QĐ-VKS-DS ngày 26/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bà D, ông T, bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

+ Về tiền vay: Ngày 22/12/2018 (tức ngày 16/11/2018 âm lịch) ông Trần Văn T có nhờ bà D vay số tiền là 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi hàng tháng và khi bà D yêu cầu ông T sẽ trả nợ gốc và lãi cho bà D. Sau đó, ông T có trả cho bà D tiền lãi đến ngày 16/11/2019 âm lịch thì ông T không tiếp tục trả lãi và không có trả tiền gốc cho bà D như ông T đã hứa.

+ Về tiền hụi: Vào năm 2019, bà D thấy hoàn cảnh của ông T khó khăn, không đủ khả năng để xây nhà ở nên bà D đồng ý tham gia giùm cho ông T 03 dây hụi, thỏa thuận sau khi hót hụi dùng tiền trả tiền vật tư xong, ông T sẽ trả cho bà D tiền hụi chết, gồm các dây hụi:

1. Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 08/01/2019 âm lịch, có 24 hụi viên, chủ hụi là chị Trần Thị Bích T1, bà D tham gia 01 phần cho bà D và ông T (mỗi người $\frac{1}{2}$). Phần hụi này bà D hót vào lần khai hụi thứ 4 (bỏ 800.000 đồng/phần, còn 4.200.000 đồng/phần), số tiền hót hụi là 97.000.000 đồng (hót 99.000.000 đồng trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi là 2.000.000 đồng nên còn 97.000.000 đồng), chia hai phần thì bà D và ông T mỗi người hót được 48.500.000 đồng. Bà D không giao tiền hót hụi cho ông T mà bà trả tiền vật liệu xây nhà, tiền công thợ xây nhà cho ông T hết tiền hót hụi của ông T là 48.500.000 đồng. Sau đó bà D phải đóng hụi chết dây hụi này với số tiền là 100.000.000 đồng, trong đó đóng thay ông T là 50.000.000 đồng.

2. Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai hụi một lần, khai lần đầu ngày 09/5/2019 âm lịch, có 21 hụi viên, chủ hụi là chị Nguyễn Thị L, bà D tham gia 01 phần cho ông T. Phần hụi này bà D hót vào lần khai hụi đầu tiên (bỏ 150.000 đồng/phần, còn 1.850.000 đồng/phần), số tiền hót hụi là 36.000.000 đồng (hót 37.000.000 đồng trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi là 1.000.000 đồng nên còn 36.000.000 đồng). Bà D không giao tiền hót hụi cho ông T mà bà trả tiền vật liệu xây nhà, tiền công thợ xây nhà cho ông T hết tiền hót hụi của ông T là 36.000.000 đồng. Sau đó bà D phải đóng thay ông T tiền hụi chết dây hụi này với số tiền là 38.000.000 đồng.

3. Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai hụi một lần, khai lần đầu ngày 09/10/2019 âm lịch, có 24 hụi viên, chủ hụi là chị Trần Thị Bích T1, bà D tham gia 01 phần cho ông T. Phần hụi này bà D hốt vào lần khai hụi thứ 4 (bỏ 400.000 đồng/phần, còn 1.600.000 đồng/phần), số tiền hốt hụi là 37.000.000 đồng (hốt 38.000.000 đồng trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi là 1.000.000 đồng nên còn 37.000.000 đồng). Bà D không giao một phần tiền hốt hụi cho ông T mà bà trả tiền vật liệu xây nhà, tiền công thợ xây nhà cho ông T số tiền là 8.590.000 đồng, tiền hốt hụi còn lại là 28.410.000 đồng thì bà D giao cho vợ ông T là bà Nguyễn Thúy H. Sau đó bà D phải đóng thay ông T tiền hụi chết dây hụi này với số tiền là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi mà bà D tham gia thay cho ông T với tiền hốt hụi là 121.500.000 đồng, trong đó bà D trả tiền vật tư xây nhà, tiền công thợ xây nhà cho ông T là 93.090.000 đồng (gồm trả tiền vật tư cho Cửa hàng V là 87.690.000 đồng, trả tiền công thợ xây nhà cho ông Trần Văn Đ là 2.700.000 đồng và ông Dương Văn Ú là 2.700.000 đồng), tiền hốt hụi còn lại là 28.410.000 đồng thì bà D giao trực tiếp cho bà H nhận lại nhà của bà Trần Thị L1, không có làm văn bản giấy tờ nhận tiền nhưng có bà L1 và bà Trần Thị L2 là chị em ruột của ông T chứng kiến, số tiền 28.410.000 đồng này là trong số tiền hốt dây hụi thứ 3. Và tổng cộng tiền hụi chết của 03 dây hụi bà D đóng thay cho ông T là 128.000.000 đồng. Ông T chỉ trả được cho bà D tổng cộng số tiền hụi chết của 03 dây hụi là 45.000.000 đồng. Nên ông T còn nợ bà D số tiền hụi chết mà bà D đóng thay cho ông T là 83.000.000 đồng.

4. Ngoài ra, ông T còn nhờ bà D mua giùm cho ông T 03 khung cửa sổ với số tiền là 3.300.000 đồng (giá 1.100.000 đồng/khung) và 01 cái bồn cầu trị giá 1.100.000 đồng, tổng cộng 4.300.000 đồng.

Ngày 23/5/2023, bà D nộp đơn gửi Ban N, xã B, huyện T để giải quyết, Ban N có mời hai bên đến hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ông T trả tiền vay là 6.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 79.000.000 đồng và tiền mua khung cửa sổ, bồn cầu là 4.300.000 đồng, tổng cộng là 89.300.000 đồng; yêu cầu trả lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện 05/7/2023 đến ngày trả xong nợ.

Tại phiên tòa, bà D yêu cầu ông T trả tiền nợ hụi là 83.000.000 đồng; bà D xin rút các yêu cầu về: Tiền vay là 6.000.000 đồng, tiền mua bán khung cửa sổ, bồn cầu là 4.300.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện 05/7/2023 đến ngày trả xong nợ.

- Bị đơn ông Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy H trình bày:

+ Về tiền vay: Vào năm 2018, cụ thể là ngày 22/12/2018 (nhằm ngày 16/11/2018 âm lịch), vợ chồng ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H không có nhờ và cũng không vay của bà Trần Thị D số tiền là 6.000.000 đồng.

+ Về tiền hui: Vào năm 2019, vợ chồng ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H có nhờ bà Trần Thị Diễm C hui giùm với 03 dây hui, mục đích để ông T xây dựng nhà ở, gồm 01 dây hui 5.000.000 đồng/tháng, 02 dây hui 2.000.000 đồng/tháng. Về tiền hui sống của 03 dây hui thì vợ chồng ông T, bà H đã đóng đầy đủ cho bà D. Bà D đã hót 03 dây hui giùm cho vợ chồng ông T, bà H và thanh toán tiền nợ vật tư xây dựng nhà của vợ chồng ông T, bà H cho Cửa hàng vật liệu xây dựng T, tiền công thợ xây dựng nhà. Bà D hót hui giùm cho vợ chồng ông T, bà H số tiền bao nhiêu và thanh toán số tiền nợ vật liệu xây dựng với số tiền bao nhiêu thì vợ chồng ông T, bà H không biết. Sau khi hót 03 dây hui, vợ chồng ông T, bà H có đóng hui chết đều mỗi tháng cho bà D từ năm 2019 đến khi dịch bệnh Covid 19, sau đó vợ chồng ông T, bà H tiếp tục đóng tiền hui chết cho bà D từ ngày 30/4/2023 đến tháng 3/2024 thì ngưng với số tiền tổng cộng là 120.600.000 đồng, bà H có ghi lại danh sách mỗi lần gửi trả tiền hui chết hàng tháng cho bà D, khoản tiền đóng hui từ tiền lương làm công với số tiền mỗi lần đóng cho bà D là hàng triệu chứ không phải hàng chục triệu do không biết cách ghi. Khi ông T trả tiền cho bà D thì thực hiện tại cửa hàng B, Bưu điện hoặc gửi cho mẹ ruột ông T là bà Nguyễn Thị T2 để đưa cho bà D, hiện nay bà T2 đã chết. Ông T không có lưu giữ hóa đơn đóng tiền cho bà D vì nghĩ là anh em họ hàng với nhau nên tin tưởng.

Việc bà D trình bày bà D trực tiếp đưa cho bà H số tiền hót hui còn lại sau khi chi trả tiền xây dựng nhà là 28.410.000 đồng thì không có. Về số tiền hót hui 28.410.000 đồng này bà D không có giao cho ông T, bà H, và ông T, bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp, ông bà sẽ khởi kiện vụ án khác.

Nay vợ chồng ông T, bà H thống nhất tiền hui chết của 03 dây hui mà bà D đóng thay cho vợ chồng ông T, bà H là 128.000.000 đồng gồm số tiền 50.000.000 đồng của phần hui 5.000.000 đồng/tháng, 40.000.000 đồng của phần hui 2.000.000 đồng/tháng và số tiền 38.000.000 đồng của phần hui 2.000.000 đồng/tháng còn lại. Vợ chồng ông T, bà H đã đóng tiền hui chết cho bà D tổng cộng là 120.600.000 đồng, nên còn nợ là 7.400.000 đồng.

+ Vợ chồng ông T, bà H không có nhờ bà D mua giùm cho ông T 03 khung cửa sổ và 01 cái bồn cầu tổng cộng với số tiền là 4.300.000 đồng vì tất cả đã tính trong 03 dây hụi mà bà D tham gia giùm ông T và sử dụng tiền hụi để trả tiền vật liệu xây nhà cho vợ chồng ông T, bà H.

Nay vợ chồng ông T, bà H chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 7.400.000 đồng.

* Tại Quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm .

- Buộc ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị D số tiền nợ là 83.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu ông Trần Văn T có trách nhiệm trả tiền vay là 6.000.000 đồng, tiền mua bán khung cửa sổ, bồn cầu là 4.300.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện 05/7/2023 đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 7 năm 2024, ông Trần Văn T là bị đơn và bà Nguyễn Thúy H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thúy H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Diễm .

- Tại Quyết định kháng nghị số: 144/QĐ-VKS-DS ngày 26/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình kháng nghị Bản án sơ thẩm số: 72/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, theo hướng khấu trừ thêm số tiền 28.410.000 đồng vào số tiền nợ gốc của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H phải trả cho bà Trần Thị Diễm .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D đồng ý trừ ½ số tiền 28.410.000 đồng vào số nợ ông T và bà H còn nợ. Ông T và bà H không đồng ý. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt

quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông T và bà H trả cho bà D 54.590.000 đồng tiền nợ hui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà H kháng cáo bản án sơ thẩm và Viện Kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

[2] Bà D khởi kiện yêu cầu ông T trả 83.000.000 đồng tiền hui chết, do bà D đóng thay cho ông T.

[3] Ông T thống nhất bà D có chơi 03 dây hui dùm ông T và ông T thống nhất số tiền phải đóng hui chết của 03 dây hui là 128.000.000 đồng. Ông T cho rằng đã đóng hui chết cho bà D được số tiền 120.600.000 đồng, còn nợ 7.400.000 đồng. Ông T đồng ý trả cho bà D số tiền hui chết 7.400.000 đồng.

[4] Bà H thống nhất cùng ông T trả cho bà D số tiền 7.400.000 đồng.

[5] Xét kháng cáo của ông T và bà H không đồng ý trả cho bà D số tiền 83.000.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà H thừa nhận có nhờ bà D chơi hui dùm và có thỏa thuận sau khi hốt hui dùm tiền hốt hui trả tiền vật tư, công thợ... Ông T sẽ giao tiền cho bà D đóng tiền hui chết. Theo bà D 03 dây hui bà D hốt được tổng cộng số tiền là 121.500.000 đồng. Bà D trả tiền vật tư, công thợ thay cho ông T là 93.090.000 đồng, số tiền hốt hui còn lại là 28.410.000 đồng thì bà D giao trực tiếp cho bà H nhận tại nhà của bà Trần Thị L1, có bà L1, bà L3 chứng kiến. Tổng số tiền đóng hui chết của 03 dây là 128.000.000 đồng, nhưng ông T chỉ có đóng được số tiền 45.000.000 đồng, không đóng nữa. Còn nợ 83.000.000 đồng tiền hui chết, bà D đóng thay cho ông T.

[7] Về phía ông T cho rằng, 03 dây hui bà D đã hốt hui xong, nhưng không biết được bao nhiêu tiền, bà D có trả tiền vật tư, công thợ thay cho ông T, nhưng cũng không biết bao nhiêu. Ông T thống nhất số tiền phải đóng hui

chết là 128.000.000 đồng, ông T có đóng hụi chết cho bà D được số tiền 120.600.000 đồng, còn nợ 7.400.000 đồng tiền hụi chết.

[8] Xét thấy, về phía ông T thừa nhận số tiền hụi chết phải đóng là 128.000.000 đồng. Ông T cho rằng đã đóng tiền hụi chết cho bà D được 120.600.000 đồng, bà D không thừa nhận. Ông T không có chứng cứ chứng minh đã đóng tiền hụi chết được 120.600.000 đồng. Bà D thừa nhận ông T đã đóng hụi chết được 45.000.000 đồng, nên số tiền ông T còn phải đóng hụi chết là 83.000.000 đồng. Bà D yêu cầu ông T trả 83.000.000 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của ông T và bà H là không có cơ sở.

[9] Về số tiền 28.410.000 đồng, bà D khai sau khi trả tiền vật tư còn thừa là 28.410.000 đồng, bà D giao cho bà H tại nhà bà L1 có bà L1, bà L3 chứng kiến. Bà H không thừa nhận có nhận 28.410.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 trình bày có thấy bà D giao tiền cho bà H, nhưng không biết bao nhiêu tiền, tiền gì và không nhớ giao vào thời gian nào, cho nên không đủ cơ sở xác định bà H có nhận của bà D số tiền 28.410.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D đồng ý trừ $\frac{1}{2}$ số tiền 28.410.000 đồng vào số nợ ông T và bà H còn nợ. Ông T và bà H không thống nhất, nên không có căn cứ để xem xét bởi vì: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm phía ông T, bà H không có tranh chấp, không có yêu cầu phản tố là bà D trả lại số tiền 28.410.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, khi nào có tranh chấp giải quyết bằng vụ án dân sự khác là đúng quy định của pháp luật. Vì thế, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình kháng nghị đề nghị khấu trừ 28.410.000 đồng vào số tiền ông T và bà H phải trả là chưa phù hợp.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thống nhất cùng ông T trả nợ cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà H và chấp nhận phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà H và không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[13] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngộ có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[14] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông T và bà H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H.
- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm .

Buộc ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị D số tiền nợ là 83.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu ông Trần Văn T có trách nhiệm trả tiền vay là 6.000.000 đồng, tiền mua bán khung cửa sổ, bồn cầu là 4.300.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện 05/7/2023 đến khi trả xong nợ.

3. Về án phí:

3.1 Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thúy H phải chịu 4.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông T và bà H theo Biên lai thu số 0006731 ngày 15/7/2024 là 300.000 đồng, được trừ vào tiền án phí. Ông T và bà H còn phải nộp 4.150.000 đồng tiền án phí, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

3.2 Trả cho bà Trần Thị Diễm T3 tạm ứng án phí đã nộp là 2.233.000

đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006445 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Tạng